

Bản án số: 03/2020/KDTM - ST

Ngày : 23/9/2020

V/v: “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HOÀ - TP HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Thành Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Huy Sáu, nguyên bí thư đoàn thanh niên CS Hồ Chí Minh;

Bà Bùi Thị Á Khanh, cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Lành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa tham gia phiên Tòa :
Bà Nguyễn Thị Khuyển - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2020/TLST - KDTM ngày 01 tháng 6 năm 2020 về : Tranh chấp Hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số : 03/2020/QĐXX - KDTM ngày 28 tháng 8 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐST- DSST ngày 14/9/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn : Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (gọi tắt là Ngân hàng nông nghiệp); trụ sở : Số 02 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật : Ông Tiết Văn Thành, chức danh : Tổng giám đốc ủy quyền thường xuyên cho bà Lê Thị Minh Thu. là giám đốc chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp huyện Ứng Hòa, Hà Tây (*Theo văn bản : Quyết định ủy quyền số 2966/QĐ-HĐTV-PV ngày 27/12/2019*), bà Thu có văn bản ủy quyền lại cho các ông, bà : Lê Văn Tuấn, là phó giám đốc chi nhánh Hà Tây; ông Đặng Tiến Trí, giám đốc phòng giao dịch Hòa Phú; Lã Anh Tuấn, trưởng phòng tín dụng chi nhánh huyện Ứng Hòa, Hà Tây (*Theo văn bản ủy quyền số 292/NHNo-GUQ ngày 04/6/2020*); ông Lê Văn Tuấn, có mặt.

2. Bị đơn :

2.1 Ông Đinh Văn T, sinh năm 1966;

2.2 Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1966

Đều STQ : Thôn Đ, xã H, huyện U, thành phố Hà Nội, đều có mặt.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Anh Đinh Văn P, sinh năm 1986;

3.2 Anh Đinh Văn P, sinh năm 1988;

3.3 Anh Đinh Văn Đ, sinh năm 1994;

3.4 Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1987;

3.5 Chị Vũ Thị Tú Q, sinh năm 1990;

3.6 Cháu Đinh Thị Ngọc A, sinh năm 2007;

3.7 Cháu Đinh Bảo N, sinh năm 2010;

3.8 Cháu Đinh Quốc P sinh năm 2010;

3.9 Cháu Đinh Hà M, sinh năm 2015

Đều có Hộ khẩu thường trú : Thôn Đ, xã H, huyện U, thành phố Hà Nội (những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt; các cháu : Anh, N là con anh P, chị M; cháu P, M là con anh P, chị Q, do các cháu còn nhỏ nên bố mẹ các cháu là người đại diện theo pháp luật và ông C trợ giúp pháp lý bảo vệ).

4. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các cháu Đinh Thị Ngọc A; Đinh Bảo N; Đinh Quốc P và Đinh Hà M là : Ông Nguyễn Ngọc Cường – Là trợ giúp viên pháp lý, thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý thành phố Hà Nội, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Lê Văn T trình bày : Ngày 29 tháng 8 năm 2011 Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank), tại phòng giao dịch Hòa Phú – chi nhánh huyện Ứng Hòa Hà Tây (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng nông nghiệp) cùng ông Đinh Văn T đã ký hợp đồng tín dụng số 2465 có nội dung : Ngân hàng nông nghiệp cho ông Đinh Văn T vay số tiền theo tổng mức tín dụng là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng); thời hạn vay là 12 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng; lãi suất tiền vay tại thời điểm ký hợp đồng là 21,6%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% so với lãi suất tiền vay đã thỏa thuận. Sau khi hết hạn hợp đồng trên, số tiền dư nợ còn lại là 1.610.000.000đ và lãi phát sinh. Ngày 26 tháng 5 năm 2014 Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tiếp tục ký kết với ông Đinh Văn T hợp đồng tín dụng số 1190/HĐTD, theo Ngân hàng cho ông Đinh Văn T vay số tiền theo tổng mức tín dụng là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng); số tiền dư nợ của hợp đồng 2465 được chuyển sang theo dõi của hợp đồng này; thời hạn vay là 12 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng; mục đích vay : Kinh doanh đồ điện và quần áo (Có giấy phép đăng ký kinh doanh); lãi suất tiền vay tại thời điểm ký hợp đồng là 8,0%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% so với lãi suất tiền vay đã thỏa thuận. Ngân

hàng nông nghiệp đã giải ngân cho ông Đinh Văn T số tiền trên thành 10 lần mỗi lần đều có giấy nhận nợ, trong đó có số nợ của các giấy nhận nợ chưa thanh toán của hợp đồng tín dụng số 2465, cụ thể : 04 giấy nhận nợ của năm 2012 là : Ngày 11/04/2012 số tiền 500.000.000đ; ngày 16/5/2012 số tiền 400.000.000đ; ngày 13/06/2012 số tiền 100.000.000đ, ngày 25/07/2012 số tiền 200.000.000đ. 06 giấy nhận nợ với tổng số tiền là 1.276.000.000đ (bằng chữ: Một tỷ hai trăm bảy mươi sáu triệu đồng) của năm 2014 là : Ngày 26/5/2014 số tiền 390.000.000đ, ngày 29/05/2014 số tiền 316.000.000đ, ngày 03/06/2014 số tiền 100.000.000đ, ngày 23/06/2014 số tiền 270.000.000đ, ngày 30/9/2014 số tiền 100.000.000đ, ngày 08/10/2014 số tiền 100.000.000đ; thời hạn cho vay đối với mỗi giấy nhận nợ đều khoảng từ 6 đến 7 tháng kể từ ngày giải ngân và lãi suất được thay đổi theo từng thời điểm giải ngân, nếu khách hàng không trả theo thời hạn trên đều bị chuyển sang nợ quá hạn được quy định trong hợp đồng.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ và các nghĩa vụ khác của mình đối với Ngân hàng nông nghiệp, ông Đinh Văn T và vợ là Nguyễn Thị N đã thế chấp bằng tài sản, cụ thể : Là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; thôn tin thửa đất : Thửa đất số 658; tờ bản đồ số 05; địa chỉ thửa đất: Thôn Đ, xã H huyện U, tỉnh Hà Tây (Nay là thành phố Hà Nội); diện tích 116,6m²; hình thức sử dụng: sử dụng riêng: 116,6m², sử dụng chung: 0m²; Mục đích sử dụng: Đất ở; thời hạn sử dụng: Lâu dài; nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 977511, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00241QSĐĐ/UH do UBND huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây cấp ngày 22/5/2007 cho bà Nguyễn Thị N. Tài sản bảo đảm được thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 405 ngày 25/3/2014; số công chứng: 190/2014/HĐ-THC, quyền số 03/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/3/2014 tại văn phòng công chứng Hòa Nam, đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 26/5/2014. Giá trị tài sản bảo đảm tại thời điểm thế chấp là 2.700.000.000 đồng (Hai tỷ bảy trăm triệu đồng).

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng : Từ cuối năm 2012, do tình hình suy thoái kinh tế, ảnh hưởng xấu đến hoạt động sản xuất kinh doanh của gia đình ông Đinh Văn T. Ngân hàng đã thực hiện cơ cấu lại kỳ hạn trả nợ, đồng thời điều chỉnh giảm lãi suất tiền vay từ 21,6%/năm xuống 13,0%/năm áp dụng từ ngày 15/7/2012, sau đó giảm từ 13%/năm xuống 9%/năm áp dụng từ ngày 12/12/2013, tiếp tục giảm từ 9%/năm xuống 8,0%/năm áp dụng từ ngày 21/5/2014 cho ông Đinh Văn T và bà Nguyễn Thị N. Tính đến nay ông Đinh Văn T đã trả Ngân hàng 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) tiền gốc và 30.798.750 đ (Ba mươi triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng) tiền lãi, sau đó ông Đinh Văn T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo như cam kết trong hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ đã ký kết, Ngân hàng đã đôn đốc nhiều lần, ông Tư cố tình không trả, không hợp tác, vì vậy khoản nợ vay của ông Tư đã bị chuyển nợ quá hạn theo từng thời điểm của các giấy

nhận nợ. Tuy ông Đinh Văn T là người ký hợp đồng tín dụng, nhưng bà Nguyễn Thị N (Vợ ông T) đã ký hợp đồng thế chấp; nguồn tiền cho vay Ngân hàng vẫn theo dõi, vợ chồng T, N làm ăn kinh tế gia đình.

Để đảm bảo cho quyền và lợi ích hợp pháp cho Ngân hàng nông nghiệp, Ngân hàng đã làm đơn khởi kiện ông Đinh Văn T và bà Nguyễn Thị N ra Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà giải quyết buộc : Ông Đinh Văn T và bà Nguyễn Thị N phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Agribank – Chi nhánh huyện Ứng Hòa – trả tại phòng giao dịch Hòa Phú toàn bộ số tiền gốc, lãi, tạm tính đến hết ngày 23/9/2020 tổng số tiền nợ là 3.572.037.167 đồng, trong đó: Nợ gốc 1.985.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn : 1.260.069.833 đồng; nợ lãi quá hạn : 326.967.334 đồng; về lãi suất : Kể từ ngày 24/9/2020 ông Tư, bà Năm phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, phụ lục hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ đã ký kết. Trường hợp ông Đinh Văn T và bà Nguyễn Thị N không trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng nông nghiệp có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp (nêu trên) để bảo đảm thu hồi toàn bộ khoản nợ.

Bị đơn ông Đinh Văn T và bà Nguyễn Thị N đều trình bày : Năm 2011 vợ chồng bà có vay vốn Ngân hàng nông nghiệp huyện Ứng Hòa, chi nhánh Hà Tây, vay tại phòng giao dịch Hòa Phú, Ứng Hòa số tiền 2 tỷ để làm ăn, sau đó số nợ còn lại được chuyển sang khoản vay của năm 2014, cụ thể : Ngày 26 tháng 5 năm 2014 giữa Ngân hàng nông nghiệp, tại phòng giao dịch Hòa Phú – chi nhánh huyện Ứng Hòa Hà Tây cùng ông Đinh Văn T đã ký hợp đồng tín dụng số 1190/HĐTD có nội dung : Ngân hàng nông nghiệp cho ông Đinh Văn T vay số tiền theo tổng mức tín dụng là 2.000.000.000 đồng (*Hai tỷ đồng*); thời hạn vay là 12 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng; mục đích vay : Kinh doanh đồ điện và quần áo (Có giấy phép đăng ký kinh doanh); lãi suất tiền vay tại thời điểm ký hợp đồng là 8,0%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% so với lãi suất tiền vay đã thỏa thuận. Theo đó Ngân hàng nông nghiệp đã giải ngân cho ông Đinh Văn T số tiền trên thành 10 lần mỗi lần đều có giấy nhận nợ; thời hạn cho vay đối với mỗi giấy nhận nợ đều khoảng từ 6 đến 7 tháng kể từ ngày giải ngân. Để đảm bảo cho khoản vay trên vợ chồng ông bà đã thế chấp : Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; thông tin thửa đất : Thửa đất số 658; tờ bản đồ số 05; địa chỉ thửa đất: Thôn Đình Xuyên, xã Hòa Nam, huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây (Nay là thành phố Hà Nội); diện tích 116,6m²; hình thức sử dụng: sử dụng riêng: 116,6m², sử dụng chung: 0m²; Mục đích sử dụng: Đất ở; thời hạn sử dụng: Lâu dài; nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 977511, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00241QSDĐ/UH do UBND huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây cấp ngày 22/5/2007 cho bà Nguyễn Thị Năm. Tài sản bảo đảm được thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 405 ngày 25/3/2014;

số công chứng: 190/2014/HĐ-THC, quyền số 03/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/3/2014 tại văn phòng công chứng Hòa Nam, đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 26/5/2014. Giá trị tài sản bảo đảm tại thời điểm thế chấp là 2.700.000.000 đồng (*Hai tỷ bảy trăm triệu đồng*).

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng : Tính đến nay vợ chồng ông T, bà N đã trả Ngân hàng 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*) tiền gốc và 30.798.750 đồng (*Ba mươi triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng*) tiền lãi. Nay ông T, bà N xác nhận còn nợ Ngân hàng nông nghiệp tổng số tiền 3.572.037.167 đồng, trong đó: Nợ gốc 1.985.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn : 1.260.069.833 đồng; nợ lãi quá hạn : 326.967.333 đồng. Ông T, bà N có quan điểm : Đề nghị Ngân hàng cho ông bà trả nợ gốc và 100 triệu tiền lãi và tạo điều kiện về thời gian để trả nợ Ngân hàng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan : Là các con trai, con dâu và cháu của ông Đinh Văn Tư và bà Nguyễn Thị N gồm : Các anh, chị : Đinh Văn P, Đinh Văn P, Đinh Văn Đ, Nguyễn Thị M, Vũ Thị Tú Q, các cháu : Đinh Thị Ngọc A, cháu Đinh Bảo N, sinh năm 2010, Đinh Quốc P, Đinh Hà M là những người cư trú trên tài sản thế chấp nêu trên. Những người này đã được Tòa triệu tập, giao các văn bản tố tụng nhưng không nhận và không đến Tòa làm việc nên không có quan điểm.

Tại phiên tòa :

- Đại diện cho nguyên đơn giữ nguyên quan điểm : Đề nghị Tòa buộc vợ chồng ông Đinh Văn T và bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả Ngân hàng số tiền gốc, lãi như trên, nếu không trả được thì Ngân hàng được quyền đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định pháp luật để thu hồi nợ;

- Bị đơn : Ông Đinh Văn T và bà Nguyễn Thị N đề nghị Ngân hàng cho ông bà trả số nợ gốc và 100 triệu tiền lãi, số nợ còn lại ông bà xin không trả;

- Ông Nguyễn Ngọc Cường trợ giúp viên pháp lý trình bày : Ông bảo vệ quyền lợi có các cháu : Đinh Thị Ngọc A; Đinh Bảo N; Đinh Quốc P và Đinh Hà M. Đề nghị Tòa giải quyết theo quy định pháp luật. Ngân hàng tạo điều kiện cho ông Tư, bà Năm trả nợ để các cháu có chỗ ở;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa tham gia phiên tòa kết luận:

+ Về tố tụng : Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa đã thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, tiến hành tố tụng là đúng pháp luật. Người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung : Ngân hàng nông nghiệp chi nhánh huyện Ứng Hòa, Hà Tây, tại phòng giao dịch Hòa Phú đã ký kết hợp đồng tín dụng với ông Đinh Văn Tư,

theo đó đã giải ngân cho ông T số tiền 2 tỷ; để bảo đảm cho khoản vay ông T và vợ là bà Nguyễn Thị N đã ký kết hợp đồng thế chấp, thế chấp nhà đất. Nay vợ chồng ông T, bà N không trả Ngân hàng. Đề nghị Tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc vợ chồng ông T, bà N phải trả Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Ứng Hòa, Hà Tây, trả tại phòng giao dịch Hòa Phú toàn bộ nợ gốc, lãi, theo bản kê Ngân hàng đã nêu ở trên. Nếu không trả được thì Ngân hàng có quyền đề nghị Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và tố tụng :

1.1 Về Thẩm quyền : Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng (Nguyên đơn) đã nộp đơn cùng các tài liệu, chứng cứ theo quy định. Tranh chấp của vụ án được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng nông nghiệp chi nhánh huyện Ứng Hòa, Hà Tây với bị đơn là ông Đinh Văn T và bà Nguyễn Thị N, và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các con, cháu của bị đơn đều có hộ khẩu thường trú là thôn Đình Xuyên, xã Hòa Nam, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội. Bị đơn vay tiền để kinh doanh (Có giấy phép đăng ký kinh doanh), các bên đều có mục đích lợi nhuận. Căn cứ vào : Nghị quyết số 03/2012/NQ - HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án được xác định là án Kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội;

1.2 Về những vấn đề tố tụng : Trong thời gian Tòa thu thập chứng cứ vợ chồng ông T, bà N chống đối, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đến tòa làm việc, Tòa đã tổng đạt văn bản tố tụng, xác minh, niêm yết, giao cho người thân tích nhận thay văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự; phiên tòa ngày 14/9/2020 do bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa và giao các văn bản tố tụng hợp lệ, vì vậy phiên tòa hôm nay Tòa vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung :

2.1 Xem xét hợp đồng tín dụng thấy : Ngày 26 tháng 5 năm 2014 giữa Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, tại phòng giao dịch Hòa Phú – chi nhánh huyện Ứng Hòa Hà Tây với ông Đinh Văn T đã ký kết hợp đồng tín dụng

số 1190/HĐTD có nội dung : Ngân hàng nông nghiệp cho ông Đinh Văn T vay số tiền theo tổng mức tín dụng là 2.000.000.000 đồng (*Hai tỷ đồng*), trong đó có số tiền 1.610.000.000đ và lãi phát sinh được chuyển từ hợp đồng số 2465 của năm 2011 sang theo dõi trả nợ; thời hạn vay là 12 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng; mục đích vay là : Kinh doanh đồ điện và quần áo; lãi suất tiền vay tại thời điểm ký hợp đồng là 8,0%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% so với lãi suất tiền vay đã thỏa thuận. Theo đó Ngân hàng nông nghiệp đã giải ngân cho ông Đinh Văn T số tiền trên thành 10 lần mỗi lần đều có giấy nhận nợ; từng thời điểm nhận nợ đều khoảng từ 6 đến 7 tháng kể từ ngày giải ngân và lãi suất được thay đổi theo từng thời điểm giải ngân, trong đó : số tiền chuyển từ năm 2011 và 2012 là 04 giấy nhận nợ và 06 giấy nhận nợ của năm 2014 với tổng số tiền là 1.276.000.000đ (bằng chữ: Một tỷ hai trăm bảy mươi sáu triệu đồng). Nếu khách hàng không trả theo thời hạn trên đều bị chuyển sang nợ quá hạn được quy định trong hợp đồng và giấy nhận nợ của từng thời điểm quá hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng ông T và N đã trả được 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*) tiền gốc và 30.798.750 đ (*Ba mươi triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng*) tiền lãi và không trả nữa, mặc dù Ngân hàng đã đôn đốc nhiều lần. Vì vậy, số nợ trên được chuyển sang nợ quá hạn từ ngày theo quy định hợp đồng. Tính đến ngày 23/9/2020 (ngày xét xử) tổng số tiền nợ là : 3.572.037.167 đồng, trong đó: Nợ gốc 1.985.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn : 1.260.069.833 đồng; nợ lãi quá hạn : 326.967.333 đồng.

2.2 Về lãi suất : Theo hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận là của năm 2014 lãi suất 8,0%/năm, cho toàn bộ quá trình vay, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn; đối với số tiền vay của hợp đồng năm 2011 lãi suất là 21,6%. Tuy nhiên Ngân hàng đã điều chỉnh lãi theo từng thời điểm, cụ thể từ 21,6%/năm xuống 13,0%/năm áp dụng từ ngày 15/7/2012, sau đó giảm từ 13%/năm xuống 9%/năm áp dụng từ ngày 12/12/2013, tiếp tục giảm từ 9%/năm xuống 8,0%/năm áp dụng từ ngày 21/5/2014 cho ông Đinh Văn T và bà Nguyễn Thị N là phù hợp với quy định pháp luật và Ngân hàng Nhà nước quy định về lãi suất. Xem xét bảng kê tính lãi của Ngân hàng là đúng và phù hợp. Do vậy buộc bị đơn phải chịu trách nhiệm về khoản gốc, lãi nêu trên.

2.3 Xem xét hợp đồng thế chấp và tài sản thế chấp : Đề bảo đảm cho khoản vay trên, hộ gia đình ông Đinh Văn T và bà Nguyễn Thị N đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại : Thửa đất số 658; tờ bản đồ số 05; địa chỉ thửa đất: Thôn Đình Xuyên, xã Hòa Nam, huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây (Nay là thành phố Hà Nội); diện tích 116,6m²; hình thức sử dụng: sử dụng riêng: 116,6m², sử dụng chung: 0m²; Mục đích sử dụng: Đất ở; thời hạn sử dụng: Lâu dài; nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 977511, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00241QSDĐ/UH do UBND huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây cấp ngày 22/5/2007 cho bà Nguyễn Thị Năm. Tài sản bảo đảm được thế chấp theo hợp đồng thế chấp

quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 405 ngày 25/3/2014; số công chứng: 190/2014/HĐ-THC, quyền số 03/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/3/2014 tại văn phòng công chứng Hòa Nam, đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 26/5/2014. Giá trị tài sản bảo đảm tại thời điểm thế chấp là 2.700.000.000 đồng (*Hai tỷ bảy trăm triệu đồng*).

Xét thấy các bên đã tham gia ký kết Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp; các hợp đồng đều được xác lập trên cơ sở do tự nguyện, chủ thể có đủ điều kiện, về hình thức bằng văn bản. Hợp đồng thế chấp được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm. Vì vậy về nội dung và hình thức 02 hợp đồng phù hợp với quy định pháp luật nên có giá trị pháp lý, hiệu lực thi hành. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng ông Đinh Văn T và bà Nguyễn Thị N còn nợ tổng số tiền là 3.572.037.167 đồng, trong đó: Nợ gốc 1.985.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn : 1.260.069.833 đồng; nợ lãi quá hạn : 326.967.333 đồng. Nay do ông T, bà N không trả được tiền gốc, lãi theo hợp đồng, cần buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả Ngân hàng là phù hợp với các quy định pháp luật.

[3] Về nghĩa vụ liên đới trả nợ của vợ chồng : Theo hợp đồng tín dụng chủ thể tham gia ký kết là ông Đinh Văn T. Tuy nhiên mục đích vay tiền Ngân hàng của ông Tư là để kinh doanh chung của vợ chồng, phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình, ngoài ra bà Nguyễn Thị N (Vợ ông T) và ông Tư đều đã tham gia ký kết hợp đồng thế chấp nhà và đất của vợ chồng để bảo đảm cho khoản vay trên, hơn nữa đại diện Ngân hàng phụ trách khu vực xã Hòa Phú thường xuyên kiểm tra mục đích vay tiền và chính quyền địa phương đều khẳng định số tiền ông T vay để làm ăn kinh tế gia đình. Với những căn cứ trên, theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần buộc vợ, chồng ông Tư, bà Năm phải có trách nhiệm liên đới trả nợ Ngân hàng.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Buộc ông Đinh Văn T, bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ liên đới trả toàn bộ số nợ gốc, lãi (Trong hạn, quá hạn) phát sinh theo hợp đồng tín dụng số số 1190 ngày 26 tháng 5 năm 2014 là 3.572.037.167 đồng, trong đó: Nợ gốc 1.985.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn : 1.260.069.833 đồng; nợ lãi quá hạn : 326.967.333 đồng cho Ngân hàng. Trường hợp ông T, bà N không thực hiện được việc trả nợ thì Ngân hàng được quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp (nêu trên) để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo quy định pháp luật.

[5] Về áp dụng pháp luật : Giao dịch dân sự giữa Ngân hàng với các đương sự được xác lập trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực, căn cứ vào Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 và Luật ban hành quy phạm pháp pháp luật thì áp dụng pháp luật tại thời điểm xác lập là các quy định có liên quan như : Bộ luật dân sự năm 2005; Luật các tổ chức tín dụng năm 1997; Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và các Nghị định văn bản hướng dẫn về giao dịch bảo đảm

[6] Về án phí : Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm theo mức án phí có giá ngạch trên số tiền nợ 3.572.037.167 đồng đồng. Cụ thể : $72.000.000\text{đồng} + (1.572.037.167 \times 2\%) = 103.440.743\text{ đồng}$. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam không phải chi án phí nên được hoàn lại số tiền 48.000.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009672 ngày 01/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ứng Hòa, Hà Nội.

[7] Về quyền kháng cáo : Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[8] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa, kiểm sát viên tham gia phiên Tòa đã nhận xét về thủ tục tố tụng Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án đã phân tích, đánh giá toàn diện chứng cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp quy định pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ :

Khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 63, 91, 96, 97; 147, 179, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 91, 92, 93, 342, 349; 350, 351, 355, 715, 716; 718, 719 và 721 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 54 Luật các tổ chức tín dụng năm 1997 (Sửa đổi bổ sung năm 2004);

Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 ; nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án;

Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về Giao dịch bảo đảm; nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006;

Quyết định số 1627/2001 của Ngân hàng Nhà nước về Quy chế cho vay; Quyết định số 546/2002 ngày 30/5/2002 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

2. Buộc ông Đinh Văn T và bà Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ liên đới trả Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, trả tại phòng giao dịch Hòa Phú thuộc chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Ứng Hòa, Hà Tây số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng số 1190 ngày 26 tháng 5 năm 2014 và theo 10 giấy nhận nợ, cụ thể : Ngày 11/04/2012; 16/5/2012; 13/06/2012; 25/07/2012; 26/5/2014; 29/05/2014; 03/06/2014; 23/06/2014; 30/9/201 và ngày 08/10/2014. Tính đến ngày 23/9/2020 tổng số tiền ông T, bà N phải thanh toán trả Ngân hàng là 3.572.037.167đồng (*Ba tỷ năm trăm bảy mươi hai triệu không trăm ba mươi bảy nghìn một trăm sáu mươi bảy đồng*), trong đó: Nợ gốc 1.985.000.000đồng (*Một tỷ chín trăm tám mươi lăm triệu*); nợ lãi trong hạn : 1.260.069.833đồng (*Một tỷ hai trăm sáu mươi triệu không trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm ba mươi ba đồng*); nợ lãi quá hạn : 326.967.334 đồng (*Ba trăm hai mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm ba mươi bốn đồng*).

Kể từ ngày 24/9/2020 ông Đinh Văn T và bà Nguyễn Thị N phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 1190 ngày 26 tháng 5 năm 2014 và theo 10 giấy nhận nợ nêu trên; nếu có sự điều chỉnh lãi thì phải thực hiện điều chỉnh theo quy định của hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản tiền gốc.

3. Trường hợp ông Đinh Văn T và bà Nguyễn Thị N không thực hiện nghĩa vụ trả các khoản tiền nợ nêu trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để bảo đảm thu hồi toàn bộ khoản nợ, cụ thể tài sản thế chấp : là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại : Thửa đất số 658; tờ bản đồ số 05; địa chỉ thửa đất: Thôn Đình Xuyên, xã Hòa Nam, huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây (Nay là thành phố Hà Nội); diện tích 116,6m²; hình thức sử dụng: sử dụng riêng: 116,6m², sử dụng chung: 0m²; Mục đích sử dụng: Đất ở; thời hạn sử dụng: Lâu dài; nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 977511, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00241QSDĐ/ƯH do UBND huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây cấp ngày 22/5/2007 cho bà Nguyễn Thị Năm. Tài sản bảo đảm được thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 405 ngày 25/3/2014; số công chứng: 190/2014/HĐ-THC, quyền số 03/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/3/2014 tại văn phòng công chứng Hòa Nam, đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 26/5/2014. Tài sản được bảo đảm cho toàn bộ khoản nợ gốc, lãi cho Ngân hàng.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán các khoản nợ cho Ngân hàng thì ông Đinh Văn T và bà Nguyễn Thị N có nghĩa

vụ tiếp tục trả hết số tiền nợ. Nếu sau khi xử lý sản thế chấp giá trị lớn hơn khoản nợ thì số tiền chênh lệch phải trả lại cho chủ sử dụng đất và sở hữu tài sản.

4. Trường hợp ông Đinh Văn T và bà Nguyễn Thị N trả được toàn bộ khoản nợ theo Điều 2 của Quyết định này thì Ngân hàng có trách nhiệm làm thủ tục giải chấp theo quy định pháp luật để trả lại giấy tờ nhà đất bản chính đã thế chấp tại Ngân hàng cho chủ sử dụng đất.

5. Về án phí:

- Ông Đinh Văn T và bà Nguyễn Thị N phải chịu 103.440.743 đồng (*Một trăm linh ba triệu bốn trăm bốn mươi nghìn bảy trăm bốn ba đồng*) án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm;

- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam được hoàn lại số tiền 48.000.000 đồng (*Bốn mươi tám triệu đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009672 ngày 01/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ứng Hòa, Hà Nội.

6. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, buộc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự; người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối nguyên đơn và bị đơn, kể từ ngày bản án được giao hợp lệ hoặc niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi thường trú đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan./.

Nơi nhận :

- TANDTP Hà Nội;
- VKSND huyện Ứng Hòa;
- Chi cục THA dân sự huyện Ứng Hòa;
- Các đương sự;
- Niêm yết tại UBND xã Hòa Nam, Ứng Hòa, Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Trung